

## MUA, Giá mục tiêu: 29,810 VND (upside: 23.2%)

**Kết quả kinh doanh tăng trưởng khả quan trong quý 1 năm 2023, động lực chính đến từ sự tăng trưởng đồng đều ở khoản thu nhập lãi thuần và thu nhập ngoài lãi so với cùng kỳ năm 2022. Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 4,135 tỷ đồng, tăng 26% so với cùng kỳ năm 2022 Định giá cổ phiếu ở mức 29,810 đồng/cổ phiếu, chúng tôi khuyến nghị MUA cổ phiếu ACB.**

### Thông tin cập nhật

**Kết quả kinh doanh tăng trưởng khả quan.** Tổng thu nhập hoạt động trong 3 tháng đầu năm tăng 15.6% so với cùng kỳ, với động lực chính đến từ khoản thu nhập lãi thuần và ngoài lãi đều có sự tăng trưởng svck. Khoản thu nhập lãi thuần tăng 14% svck, và thu nhập ngoài lãi tăng 21% svck.

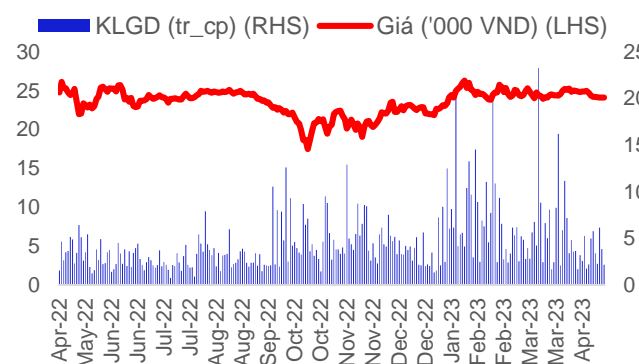
**Chất lượng tài sản ổn định.** Mặc dù, tỷ lệ nợ xấu và nợ nhóm 2 đều tăng trở lại trong quý 1, nhưng chúng tôi cho rằng tỷ lệ nợ xấu tăng lên vẫn nằm trong tầm kiểm soát và phía ngân hàng cũng đã có sự chuẩn bị từ những khoản trích lập dự phòng trước đó.

**NIM trong quý 1 năm 2023 tiếp tục ổn định cho thấy khả năng sinh lời tốt của ACB.**

**Ngân hàng có tổng tài sản đạt 611,224 tỷ đồng. Tổng dư nợ tín dụng giảm 0.6% 3 tháng đầu năm, đạt gần 411.3 nghìn tỷ đồng (ngân hàng không đầu tư TPĐN)**

**Định giá cổ phiếu:** Tại mức giá hiện tại 24,200 đồng/ cổ phiếu, chúng tôi khuyến nghị MUA với cổ phiếu ACB, với giá mục tiêu sau 12 tháng là 29,810 đồng/ cổ phiếu theo phương pháp kết hợp giữa RI và P/B

### BIẾN ĐỘNG GIÁ



Ngày báo cáo	28/4/2023
Giá hiện tại	VND 24,200
Giá mục tiêu	VND 29,810
<b>Tăng/giảm</b>	<b>23.2%</b>
Bloomberg	ACB VN EQUITY
Vốn hoá thị trường	65,387
Biến động 52 tuần	VND 17,500
	VND 28,600
KLGD trung bình	8,694,550
Sở hữu tối đa NN	30%
Sở hữu hiện tại NN	30%

	1T	3T	6T	12T
ACB (%)	-1%	-8%	9%	-2%
VN Index (%)	-0.49%	-6%	2%	-22%

Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022	2023F	2024F	2025F
<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>23,564</b>	<b>28,790</b>	<b>32,389</b>	<b>36,469</b>	<b>40,217</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế và chi phí</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>15,334</b>	<b>17,185</b>	<b>20,366</b>	<b>24,011</b>	<b>27,301</b>
Tăng trưởng so với cùng kỳ	%		12%	19%	18%	14%
<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>3,336</b>	<b>71</b>	<b>1,210</b>	<b>1,169</b>	<b>891</b>
Tăng trưởng so với cùng kỳ	%		-98%	1608%	-3%	-24%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>11,998</b>	<b>17,114</b>	<b>19,156</b>	<b>22,842</b>	<b>26,409</b>
Tăng trưởng so với cùng kỳ	%		43%	12%	19%	16%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>9,603</b>	<b>13,688</b>	<b>15,325</b>	<b>18,274</b>	<b>21,127</b>
Tăng trưởng so với cùng kỳ	%		43%	12%	19%	16%
<b>EPS (cơ bản)</b>	<b>đồng</b>	<b>3,554</b>	<b>4,053</b>	<b>4,537</b>	<b>5,411</b>	<b>6,255</b>
<b>BVPS</b>	<b>đồng</b>	<b>16,618</b>	<b>17,303</b>	<b>20,840</b>	<b>26,251</b>	<b>32,506</b>
<b>ROAA</b>	<b>%</b>	<b>1.8%</b>	<b>2.3%</b>	<b>2.4%</b>	<b>2.5%</b>	<b>2.6%</b>
<b>ROEA</b>	<b>%</b>	<b>21.4%</b>	<b>23.4%</b>	<b>21.8%</b>	<b>20.6%</b>	<b>19.2%</b>
<b>P/E</b>	<b>lần</b>	<b>6.8</b>	<b>6.0</b>	<b>5.3</b>	<b>4.5</b>	<b>3.9</b>
<b>P/B</b>	<b>lần</b>	<b>1.46</b>	<b>1.40</b>	<b>1.16</b>	<b>0.92</b>	<b>0.74</b>

**MUA, Giá mục tiêu: 29,810 VND (upside: 23.2%)**

## CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1 2023

Trong quý 1, ACB ghi nhận khoảng **5,156 tỷ đồng** lợi nhuận trước thuế, tăng **25.3%** so với cùng kỳ (svck), và đạt 26% kế hoạch cả năm. Trong đó, khoản thu nhận lãi thuần tăng **14.2%**, lên hơn **6,215 tỷ đồng**. Thu nhập ngoài lãi tăng trưởng mạnh mẽ **21%** svck, đạt **1,705 tỷ đồng**.

Thu nhập lãi thuần trong quý 1 tăng **14.2% svck**, trong đó chi phí lãi vay tăng gần gấp đôi svck năm ngoái (từ **3.6 nghìn tỷ đồng** trong quý 1 2022 lên **7 nghìn tỷ đồng** trong quý 1 2023). Về mảng thu nhập ngoài lãi, trong quý 1 ngân hàng ghi nhận **438 tỷ đồng** lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng (**+44.4%** svck). Trong khi đó, hoạt động dịch vụ trong 3 tháng đầu năm chỉ ghi nhận **627 tỷ đồng** (giảm **15.2%** svck).

Chi phí hoạt động giảm **8%** svck, đạt **2.5 nghìn tỷ đồng**. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng ghi nhận **256 tỷ đồng**, trong khi quý 1 năm 2022, ngân hàng ghi nhận khoản hoàn nhập gần **3 tỷ đồng** ở khoản mục này. Như vậy, lợi nhuận sau thuế đạt **4,135 tỷ đồng** (tăng **26% yoy**)

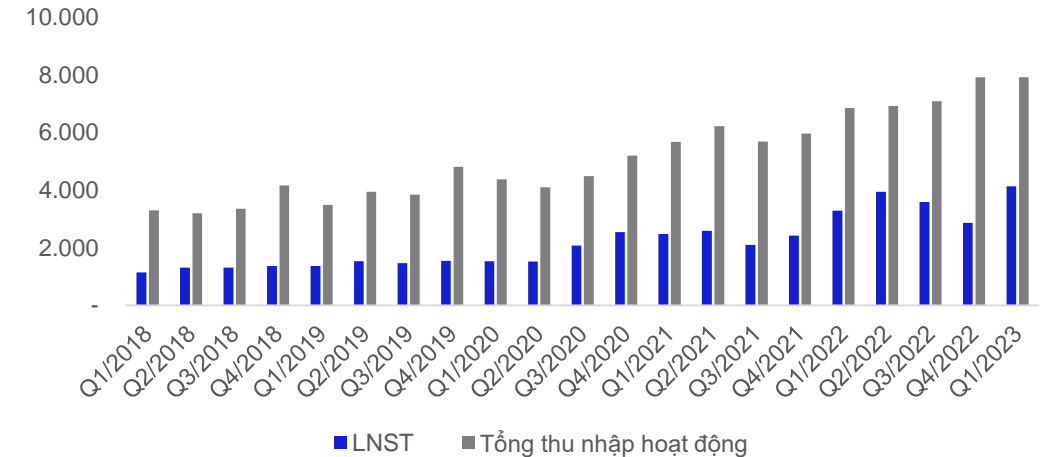
Tổng tài sản trong quý 1 tăng nhẹ **0.55%** so với cuối năm 2022, đạt **611,224 tỷ đồng**.

Tăng trưởng tín dụng trong năm quý 1 2023 giảm **0.6%** so với cuối năm ngoái, đạt **411 nghìn tỷ đồng**. Tuy nhiên, mặc dù 2 tháng đầu năm, tăng trưởng tín dụng giảm 2.8% so với cuối năm 2022, tháng 3, tín dụng của ngân hàng đã được khôi phục lại với 2.2%, chủ yếu ở phân khúc dịch vụ khách hàng riêng. Nợ xấu của ngân hàng trong quý 1 tăng lên **0.97%** (**+32.24%** so với Q4/2022), và nợ nhóm 2 cũng tăng lên **0.88%** (**+55.5%** so với Q4/2022). Các chỉ tiêu ROEA đạt **26.3%** và ROAA đạt **2.6%**

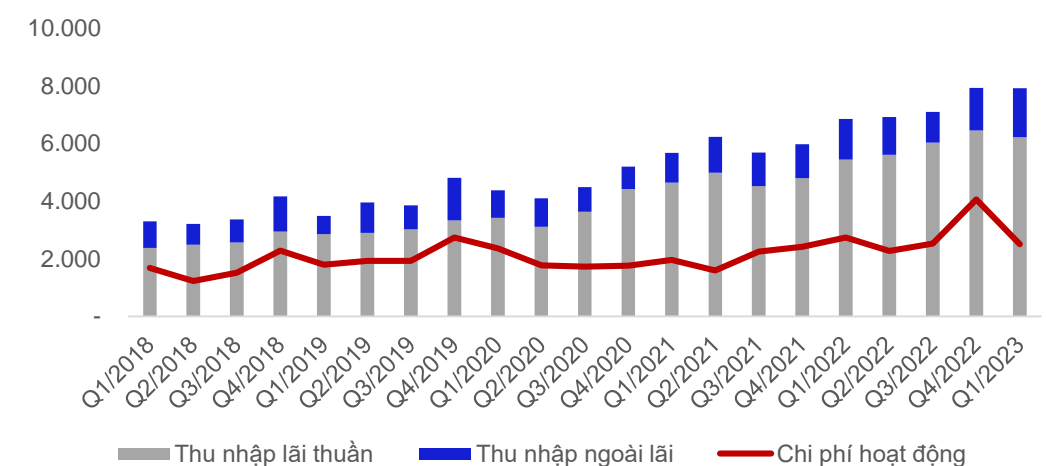
Về mặt huy động vốn, trong quý 1, khoản huy động vốn từ tiền gửi của khách hàng chỉ tăng nhẹ **2%** so với cuối năm 2022, đạt **422,755 tỷ đồng**. Ngoài ra, ngân hàng huy động gần **6 nghìn tỷ đồng** qua kênh phát hành giấy tờ có giá (tăng **13%** so với đầu năm).

## KẾT QUẢ KINH DOANH

ĐVT: Tỷ đồng



ĐVT: Tỷ đồng



# NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU (HOSE:ACB)

**MUA, Giá mục tiêu: 29,810 VND (upside: 23.2%)**

## LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

**Hạn mức tăng trưởng tín dụng trong năm 2023.**

- Trong năm 2022, mức tín dụng của ngân hàng hợp nhất tăng **14.30%**. Trong đó,

Tín dụng doanh nghiệp tăng ròng **10,444 tỷ đồng**, tăng **8%** svck. Qua đó, nâng tổng danh mục tín dụng doanh nghiệp của ACB lên **141 nghìn tỷ đồng**.

Dư nợ cho vay cá nhân tăng trưởng **17.9%** svck, đạt **272,324 tỷ đồng**. Trong đó, dư nợ tăng trưởng chủ yếu đến từ các sản phẩm cho vay tiêu dùng, thương mại và sản xuất kinh doanh.

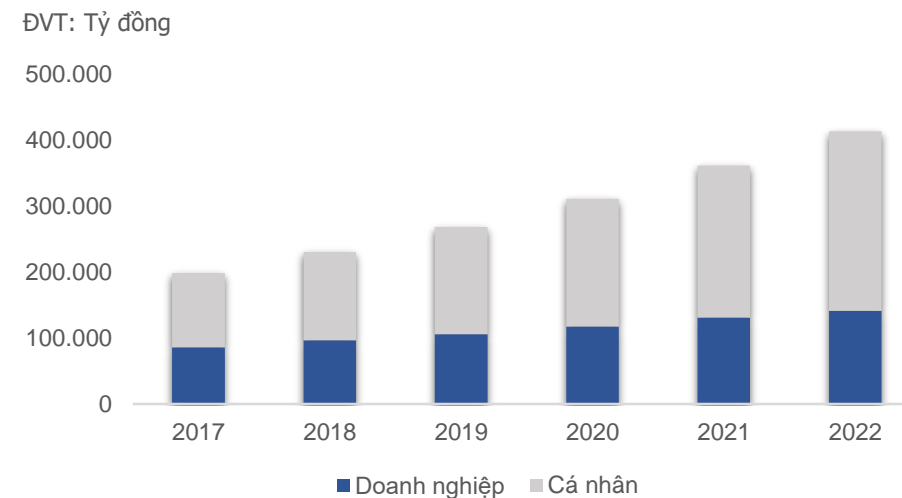
- Đối với ngân hàng riêng lẻ, mức dư nợ cho vay tăng **15.2%**, đạt **410,153 tỷ đồng**, gần như toàn dụng hạn mức mà Ngân Hàng Nhà Nước (NHNN) đã phân bổ trong năm

- Trong năm 2023, ngân hàng hoạch định hạn mức tăng trưởng tín dụng ở mức **9.7%**. Đồng thời, ngân hàng cũng lên kế hoạch chia cổ tức **25%** trong năm nay, trong đó **15%** bằng cổ phiếu và **10%** bằng tiền mặt. Như vậy, ACB có khả năng phát hành hơn **5 triệu cổ phiếu** để chia cổ tức năm 2022 (dự kiến diễn ra trong quý 3/2023), và vốn điều lệ sẽ tăng từ **33,774 tỷ đồng** lên **38,840 tỷ đồng**.

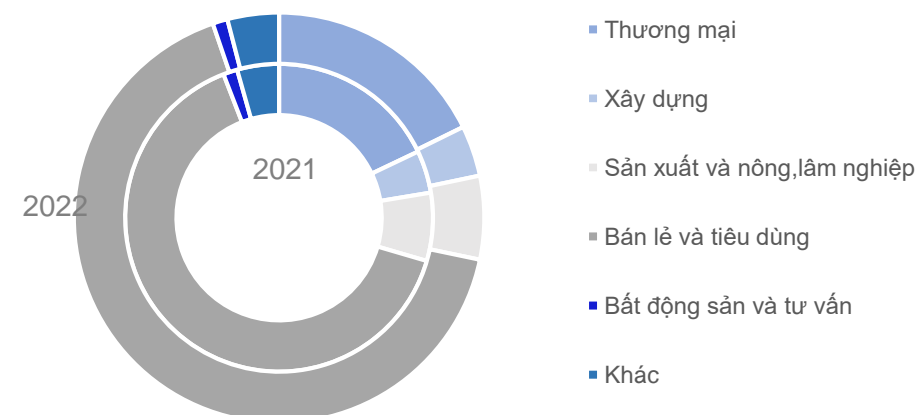
- Ngoài ra, trong giai đoạn 2023-2027, ngân hàng cũng đưa ra những dự phóng như:

- Tổng tài sản dự kiến tăng bình quân 14%/năm
- Tiền gửi khách hàng tăng 13%/năm
- Dư nợ cho vay tăng 14%/năm
- Vốn chủ sở hữu tăng 19%/năm, trong đó vốn điều lệ tăng khoảng 11%/năm
- Lợi nhuận trước thuế tăng khoảng 18%/năm

**CƠ CẤU DƯ NỢ 2017 - 2022**



**DANH MỤC CHO VAY 2021 - 2022**



# NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU (HOSE:ACB)

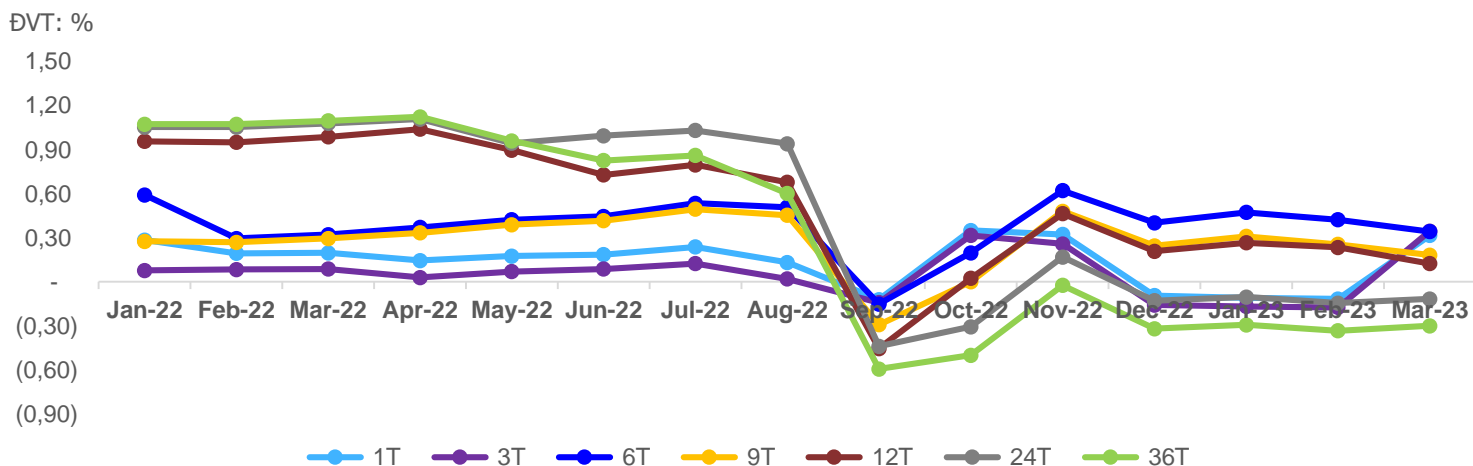
**MUA, Giá mục tiêu: 29,810 VND (upside: 23.2%)**

## LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

**Tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM) được kì vọng tiếp tục duy trì trong các năm tới.**

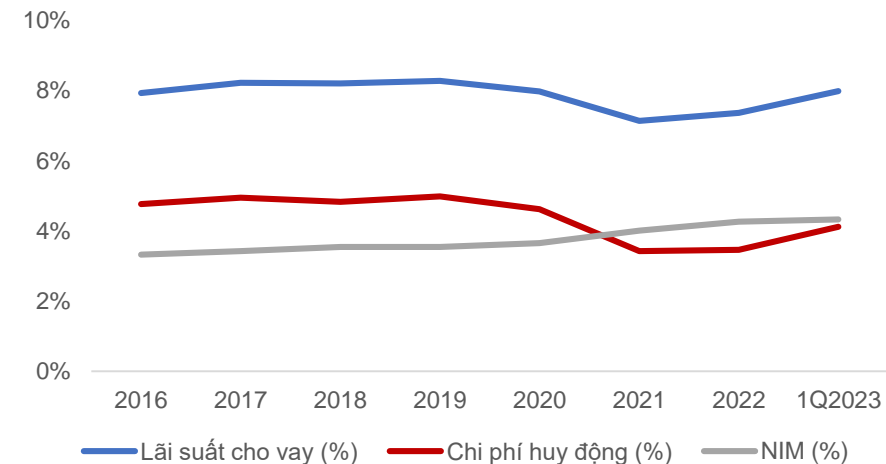
- Dữ liệu quá khứ cho thấy, lãi suất huy động của ACB luôn tương đối thấp hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành ở hầu hết các kỳ hạn. Dựa theo số liệu vào 31/03/2023, lãi suất điều hành của trung bình ngành ngân hàng lớn hơn lãi suất huy động của ACB khoảng 1 đến 3 điểm cơ bản ở hầu hết các kỳ hạn (trừ kỳ hạn 24 tháng và 48 tháng).
- Vì vậy, chúng tôi cho rằng trong trung và dài hạn, ACB có khả năng tiếp tục đưa ra mức lãi suất huy động thấp hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành. Điều này góp phần giúp ACB có dư địa để áp dụng mức lãi suất cho vay thấp hơn, qua đó, tạo lợi thế cạnh tranh trong ngành đối với các khoản vay mới. Chính vì vậy, NIM của ngân hàng được chúng tôi kì vọng vẫn được duy trì ở quanh mức 4.2% trong các năm tới.

## ĐỘ CHÊNH LỆCH LÃI SUẤT HUY ĐỘNG CỦA ACB ĐỐI VỚI TRUNG BÌNH CỦA NGÀNH NGÂN HÀNG\*

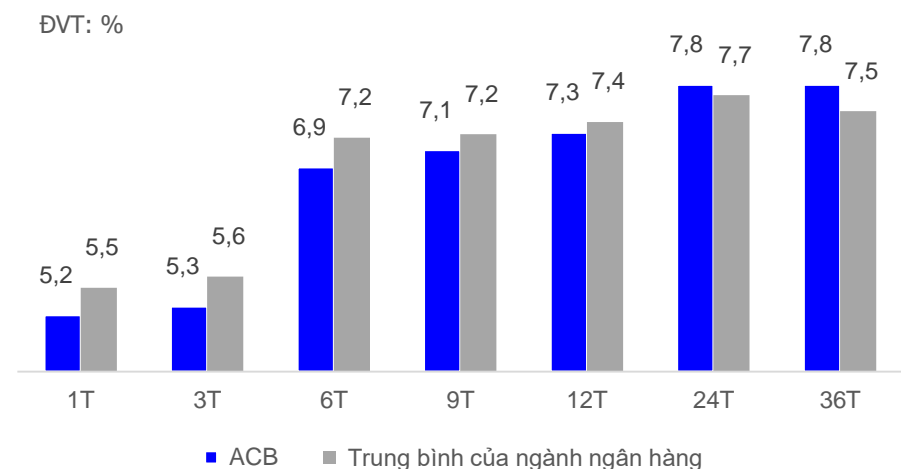


\*Lãi suất huy động ACB – Lãi suất huy động trung bình của ngành

## KHẢ NĂNG SINH LỜI



## LÃI SUẤT ĐIỀU HÀNH THÁNG 3/2023



# NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU (HOSE:ACB)

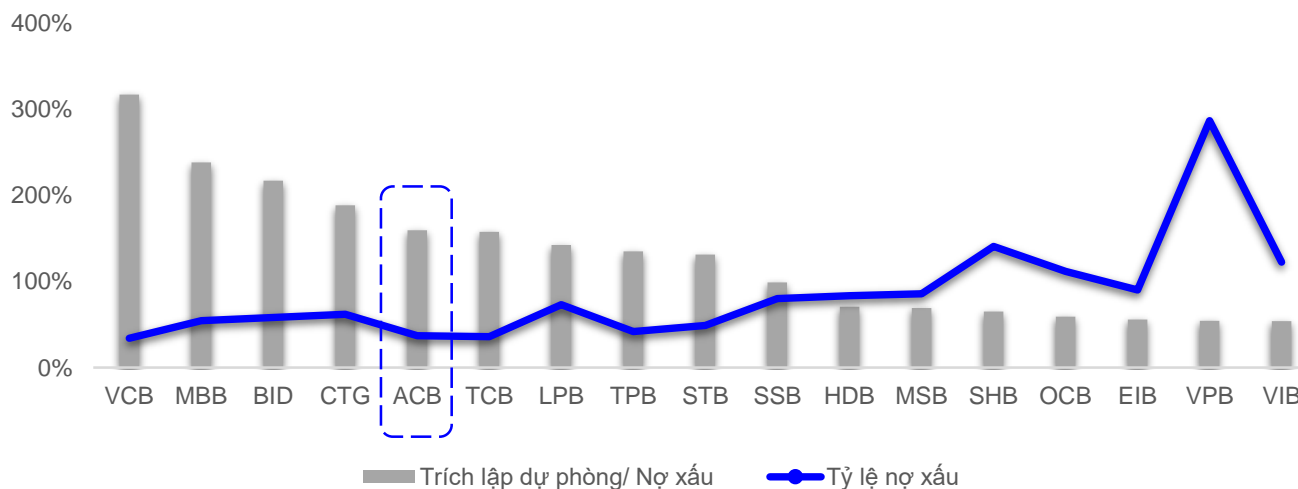
**MUA**, Giá mục tiêu: 29,810 VND (upside: 23.2%)

## LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

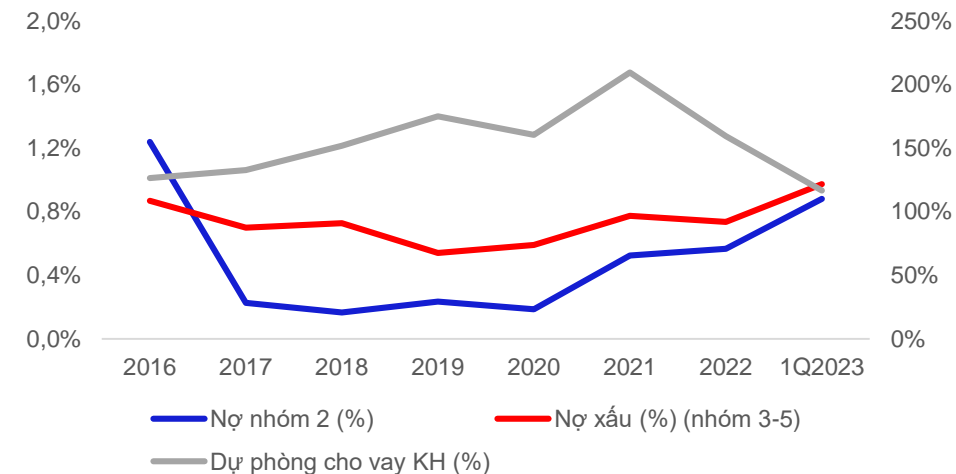
### Chất lượng tài sản nằm trong top các doanh nghiệp cùng ngành

- Đến thời điểm cuối năm 2022, ngân hàng đã trích lập dự phòng cụ thể bổ sung đủ 100% cho số dư nợ của khách hàng có nợ được cơ cấu theo thông tư 03. Như vậy, việc trích lập đầy đủ sớm hơn 1 năm so với quy định sẽ giúp ngân hàng giảm áp lực lên lợi nhuận trong năm 2023. Trong năm 2022, ACB ghi nhận khoản hoàn nhập dự phòng 381 tỷ đồng từ khách hàng vay bị ảnh hưởng bởi dịch COVID 19
- Tỷ lệ nợ xấu của ACB đạt **0.74%** cuối năm 2022, là một trong các ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất. Tỷ lệ trích lập dự phòng đạt **159.27%** cuối năm 2022, nằm trong top 5 ngân hàng có tỷ lệ bao phủ nợ xấu cao nhất ngành.

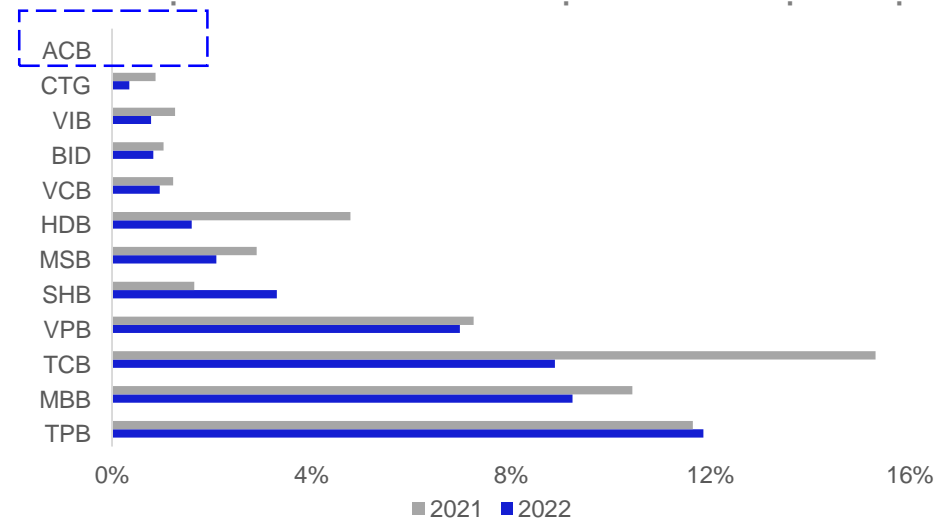
TỶ LỆ NỢ XẤU VÀ TỶ LỆ BAO PHỦ NỢ XẤU CỦA CÁC NGÂN HÀNG



KHẢ NĂNG QUẢN LÝ NỢ



TỶ LỆ TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP/ TỔNG DỰ NỢ TÍN DỤNG



# NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU (HOSE:ACB)

**MUA, Giá mục tiêu: 29,810 VND (upside: 23.2%)**

## Chất lượng tài sản nằm trong top các doanh nghiệp cùng ngành (tiếp)

- ACB sở hữu danh mục đầu tư trái phiếu lành mạnh với trái phiếu Chính phủ (85% tổng danh mục) và trái phiếu các TCTD (15% tổng danh mục). ACB cũng là một trong những ngân hàng nói không với việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp trong nhiều năm qua.
- Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) cuối năm 2022 ở mức 12.8%
- ROA và ROE liên tục cải thiện qua các năm, trong đó ROEA và ROAA đạt mức lần lượt là 23.42% và 2.25%.

## RỦI RO ĐẦU TƯ

- Trong năm 2022, khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác của ngân hàng tăng từ 49,819 tỷ đồng lên đến 86,021 tỷ đồng (+72.7%). Tuy nhiên, việc lãi suất liên ngân hàng biến động mạnh trong thời gian qua có thể làm ảnh hưởng đến khoản thu lợi nhuận hạch toán trong năm nay của ngân hàng
- Tính đến ngày 28/03/2023, tăng trưởng tín dụng toàn ngành đạt 2.06% so với cuối năm 2022, tăng 11.17% so với cùng kỳ năm 2022.

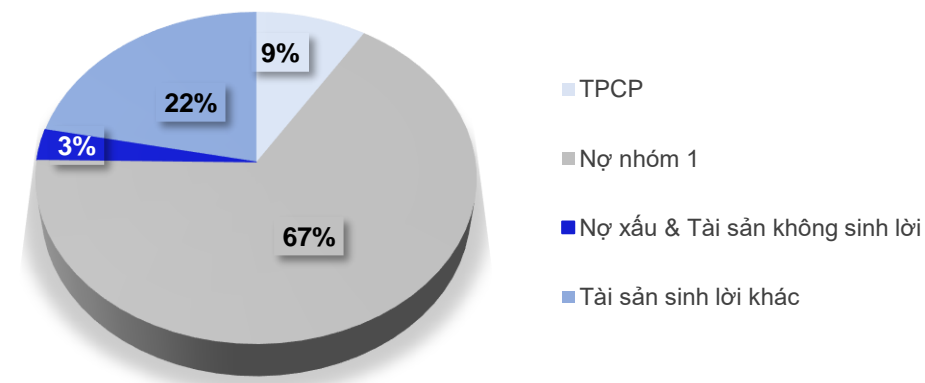
Cơ cấu tín dụng tiếp tục tập trung vốn cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng theo chủ trương của Chính phủ.

Đầu năm 2023, NHNN cũng đặt ra kế hoạch tăng trưởng tín dụng toàn ngành năm 2023 đạt 14%-15%.

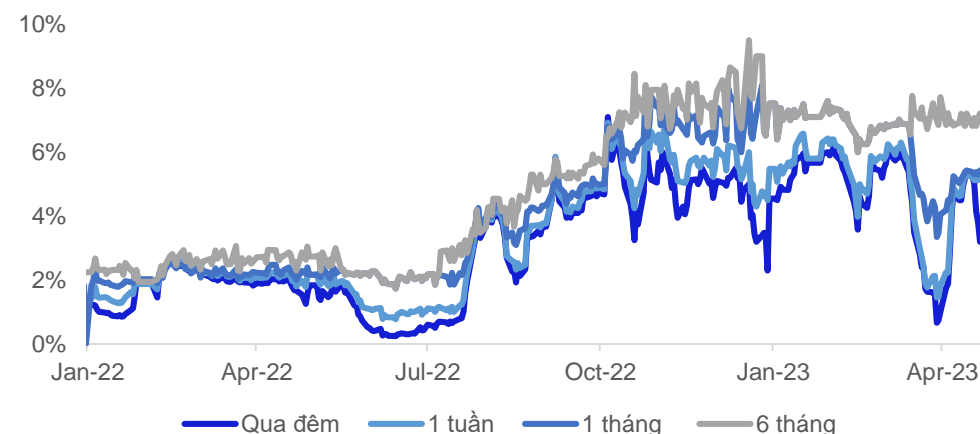
Tuy nhiên, trước diễn biến nhu cầu tín dụng có xu hướng yếu trong những tháng đầu năm, chúng tôi cho rằng mức tín dụng toàn ngành trong năm 2023 sẽ đạt 12%-13%.

- Chính vì vậy, chúng tôi cho rằng rủi ro đối với ACB trong thời gian tới là hạn mức tín dụng có thể không đạt được như kì vọng của MBS.

CẤU TRÚC TÀI SẢN 2022



LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG



# NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU (HOSE:ACB)

**MUA, Giá mục tiêu: 29,810 VND (upside: 23.2%)**

## RỦI RO ĐẦU TƯ

## MÔ HÌNH DỰ PHÓNG VÀ ĐỊNH GIÁ

Chúng tôi dự phóng:

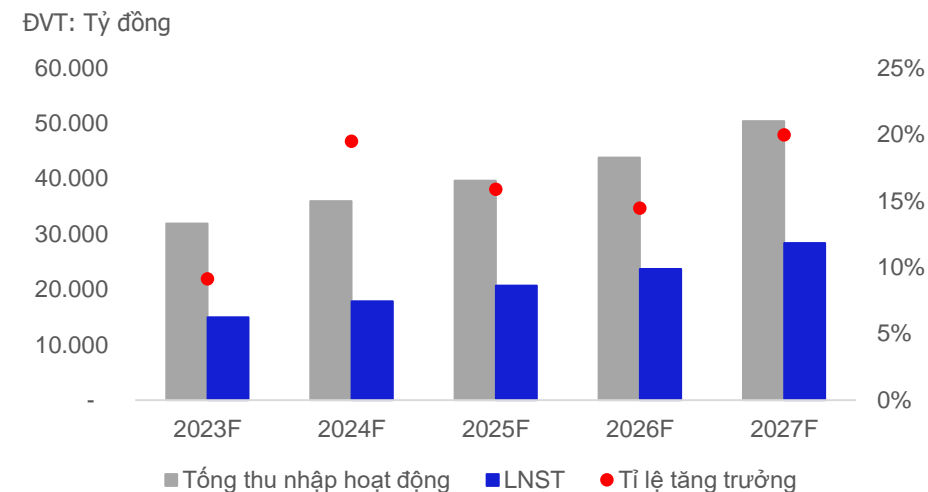
- TOI của ACB trong năm 2023F sẽ đạt **32,400 tỷ đồng**, tăng **13%** svck, với kỳ vọng của chúng tôi là NIM vẫn tiếp tục duy trì quanh mức **4.2%** và hoạt động ngoài lãi sẽ tiếp tục tăng trưởng tốt trong năm nay, với việc ghi nhận khoản upfront fee (~568 tỷ đồng) hàng năm
- LNTT 2023F đạt gần **18,700 tỷ đồng**, tăng **12%** svck, chủ yếu đến từ việc gia tăng chi phí DPRRTD trong năm nay lên **1,200 tỷ đồng**.
- Mặc dù đầu năm nay, hạn mức tín dụng ACB được cấp đạt 9.7%, chúng tôi vẫn cho rằng NH có khả năng được mở room quota trong năm nay, với tổng hạn mức tín dụng trong năm là 12%

Chúng tôi định giá ACB theo bằng cách kết hợp 2 Phương pháp kết hợp RI và P/B. với tỷ trọng ngang nhau.

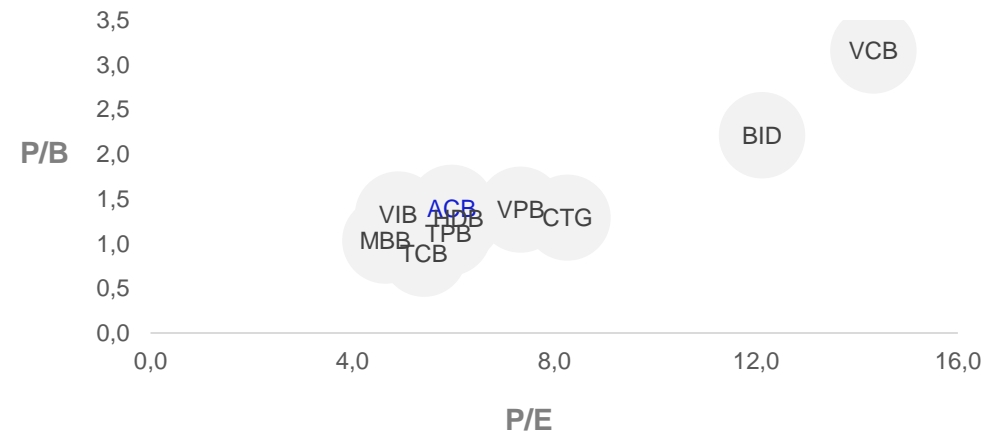
- Tại mức giá hiện tại, ACB đang giao dịch tại mức P/B dự phóng 1.1x lần cho năm 2023, thấp hơn so với P/B ngành (1.5x lần). Với chất lượng tài sản cũng như dựa theo P/B quá khứ của ACB và P/B của các ngân hàng trên sàn HOSE, chúng tôi dự phóng P/B của ACB ở quanh 1.4x

Phương pháp	Kết quả	Tỷ trọng	Đóng góp (VND/cổ phiếu)
RI	30,440	50%	VND 15,220
P/B (1.4x lần)	29,176	50%	VND 14,588
Giá mục tiêu			VND 29,808
Giá thị trường			VND 24,200
P/B trung bình			1.4x lần

## MỨC TĂNG TRƯỞNG DOANH THU



## P/E VÀ P/B CỦA CÁC NGÂN HÀNG



# NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU (HOSE:ACB)



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		2021	2022	2023F	2024F	2025F	CHỈ SỐ TÀI CHÍNH THEO QUÝ		ĐVT	Quý 1 2022	Quý 1 2023	yoy	
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	tỷ đồng	7,510	8,461	10,113	6,647	12,634	Thu nhập lãi thuần	tỷ đồng		5,441	6,215	14%	
Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam	tỷ đồng	32,350	13,658	17,259	15,235	21,557	Thu nhập ngoài lãi	tỷ đồng		1,409	1,705	21%	
Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	tỷ đồng	49,819	85,971	64,689	73,057	84,945	<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>	tỷ đồng		<b>6,850</b>	<b>7,920</b>	16%	
Chứng khoán kinh doanh	tỷ đồng	11,260	1,131	2,144	1,938	2,506	Chi phí hoạt động	tỷ đồng		2,739	2,508	-8%	
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	tỷ đồng	227	100	100	100	100	<b>Lợi nhuận trước chi phí dự phòng</b>	tỷ đồng		<b>4,111</b>	<b>5,413</b>	32%	
Cho vay khách hàng	tỷ đồng	356,051	408,857	457,791	524,649	599,923	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	tỷ đồng		(3)	256	-9105%	
Hoạt động mua nợ	tỷ đồng	-	-	-	-	-	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	tỷ đồng		<b>4,114</b>	<b>5,156</b>	25%	
Chứng khoán đầu tư	tỷ đồng	59,475	75,535	77,801	82,469	86,592	Tăng trưởng tín dụng so với đầu kỳ		5.0%	-0.6%			
Góp vốn, đầu tư dài hạn	tỷ đồng	172	147	155	197	220	Tăng trưởng tiền gửi KH so với đầu kỳ		1.6%	2.1%			
Tài sản cố định	tỷ đồng	3,763	3,981	4,330	4,528	4,817	Chi phí hoạt động/ Tổng thu nhập hoạt động		40.0%	31.7%			
Bất động sản đầu tư	tỷ đồng	216	177	177	177	177							
Tài sản Có khác	tỷ đồng	6,929	9,858	9,593	11,455	13,251							
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>tỷ đồng</b>	<b>527,770</b>	<b>607,875</b>	<b>644,151</b>	<b>720,452</b>	<b>826,723</b>							
							<b>CHỈ SỐ TÀI CHÍNH</b>	<b>ĐVT</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>	<b>2023F</b>	<b>2024F</b>	<b>2025F</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>tỷ đồng</b>	<b>482,869</b>	<b>549,437</b>	<b>574,154</b>	<b>632,609</b>	<b>718,201</b>	<b>Tăng trưởng TS &amp; LN</b>						
Các khoản nợ chính phủ và NHNN Việt Nam	tỷ đồng	-	506	142	203	290	TT về tài sản	%	18.73	15.18	6.03	11.90	14.80
Tiền gửi và vay các TCTD khác	tỷ đồng	54,394	67,841	52,225	51,796	75,700	TT dự nợ & đầu tư	%	12.28	16.10	10.61	13.37	13.03
Tiền gửi của khách hàng	tỷ đồng	379,921	413,953	456,935	502,629	551,787	TT tiền gửi của KH & Phát hành GTCG	%	9.39	11.64	8.55	10.97	10.50
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	tỷ đồng	-	-	-	-	-	TT LN trước chi phí dự phòng & thuế	%	45.53	12.07	18.51	17.90	13.70
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư của Chính phủ và các TCTD khác	tỷ đồng	86	60	117	113	123	TT lợi nhuận trước thuế	%	25.03	42.64	11.93	19.24	15.62
Phát hành giấy tờ có giá	tỷ đồng	30,548	44,304	40,511	49,373	58,155	<b>An toàn vốn</b>						
Các khoản nợ khác	tỷ đồng	17,920	22,772	24,224	28,496	32,145	Tổng nợ phải trả/Vốn CSH	lần	10.75	9.40	8.16	7.14	6.54
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>tỷ đồng</b>	<b>44,901</b>	<b>58,439</b>	<b>69,997</b>	<b>87,843</b>	<b>108,521</b>	Vốn CSH/Tổng TS	%	8.51	9.61	10.92	12.29	13.26
Vốn điều lệ	tỷ đồng	27,291	34,046	34,046	34,046	34,046	Tổng TS/Vốn CSH	lần	0.12	0.10	0.09	0.08	0.08
Cổ phiếu quỹ	tỷ đồng	7,164	9,220	11,448	14,110	17,201	<b>Chất lượng TS</b>						
Vốn khác	tỷ đồng	-	-	-	-	-	Nợ xấu (nhóm 3-5)	%	0.77	0.74	0.94	0.83	0.78
Quỹ của tổ chức tín dụng	tỷ đồng	-	-	-	-	-	Nợ nhóm 2	%	0.52	0.57	0.78	0.55	0.50
Lợi nhuận chưa phân phối	tỷ đồng	10,445	15,172	24,503	39,687	57,274	Dự phòng cho vay KH/ Nợ xấu	%	209.39	159.27	127.35	144.32	146.79
Lợi ích của cổ đông thiểu số	tỷ đồng	-	-	-	-	-	<b>Thanh khoản</b>						
<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>tỷ đồng</b>	<b>527,770</b>	<b>607,875</b>	<b>644,151</b>	<b>720,452</b>	<b>826,723</b>	Dư nợ/ vốn huy động	%	77.85	78.64	84.30	87.95	88.51
							TS thanh khoản cao/ Tổng TS	%	16.99	17.79	14.35	13.28	14.55
							TS thanh khoản cao/ Tiền gửi KH	%	23.60	26.12	20.24	19.05	21.83
							<b>Lợi nhuận</b>						
							ROA	%	1.82	2.25	2.38	2.53	2.55
							ROE	%	21.39	23.42	21.77	20.61	19.24
							NIM	%	4.01	4.26	4.22	4.32	4.16
							Thu nhập lãi thuần/Tổng thu nhập hoạt động	%	80.40	81.74	79.17	78.74	77.98
							Chi phí hoạt động/ Tổng thu nhập hoạt động	%	34.93	40.31	37.12	34.16	32.12
							<b>Định giá</b>						
							EPS (cơ bản)	đồng	3,554	4,053	4,537	5,411	6,255
							BVPS	đồng	16,618	17,303	20,840	26,251	32,506
							P/E	lần	6.81	5.97	5.33	4.47	3.87
							P/B	lần	1.46	1.40	1.16	0.92	0.74

Nguồn: ACB, MBS tổng hợp



## Liên hệ: Phòng Nghiên cứu Khách hàng Tổ chức – Khối Nghiên cứu

### Trưởng Phòng

Hoàng Công Tuấn [Tuan.HoangCong@mbs.com.vn](mailto:Tuan.HoangCong@mbs.com.vn)

### Nhóm nghiên cứu Kinh tế vĩ mô

#### Kinh tế vĩ mô

Lê Minh Anh [Anh.LeMinh@mbs.com.vn](mailto:Anh.LeMinh@mbs.com.vn)

### Nhóm Nghiên cứu Ngành và Cổ phiếu

#### Bất động sản – Tài chính

Đình Công Luyến [Luyen.DinhCong@mbs.com.vn](mailto:Luyen.DinhCong@mbs.com.vn)

#### Hàng tiêu dùng - Bán lẻ

Phạm Thùy Trang [Trang.PhamThuy@mbs.com.vn](mailto:Trang.PhamThuy@mbs.com.vn)

#### Hàng tiêu dùng - Bán lẻ

Nguyễn Quỳnh Ly [Ly.NguyenQuynh@mbs.com.vn](mailto:Ly.NguyenQuynh@mbs.com.vn)

#### Tài chính - Ngân hàng

Đỗ Lan Phương [Phuong.DoLan@mbs.com.vn](mailto:Phuong.DoLan@mbs.com.vn)

#### Năng lượng - Dầu khí

Chu Thế Huỳnh [Huyhnh.ChuThe@mbs.com.vn](mailto:Huyhnh.ChuThe@mbs.com.vn)

#### Bất động sản khu công nghiệp

Nguyễn Minh Đức [Duc.NguyenMinh@mbs.com.vn](mailto:Duc.NguyenMinh@mbs.com.vn)

#### Bất động sản nhà ở

Lê Hải Thành [Thanh.LeHai@mbs.com.vn](mailto:Thanh.LeHai@mbs.com.vn)

#### Vật liệu xây dựng – Năng lượng

Phạm Thị Thanh Huyền [Huyen.PhamThiThanh@mbs.com.vn](mailto:Huyen.PhamThiThanh@mbs.com.vn)

**Hệ Thống Khuyến Nghị:** Hệ thống khuyến nghị của MBS được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	>=15%
GIỮ	Từ -15% đến +15%
BÁN	<= -15%

## **MBS SECURITIES**

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP, HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác, Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp, Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC), Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MS Finance). MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

## **MBS RESEARCH | TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM**

Copyrights. MBS 2020, ALL RIGHTS RESERVED. Bản quyền năm 2020 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

## **MBS HỘI SỞ**

Tòa Nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội | Tel: +84 24 7304 5688 – Fax: +84 24 3726 2601 | Website: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)